CKDA

Số: 01B-TM/CKĐA/2021
(V/v: Thư mời lắp dựng GKG Kho đá vôi xi măng Xuân Thành)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2021

THƯ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty

Hiện nay Công ty chúng tôi đang có nhu cầu thuê lắp dựng GKG mái che kho đá vôi xi măng Xuân Thành. Kính mời các đơn vị có đủ điều kiện và năng lực tham dự, chào giá theo các nội dung như sau:

1. Hàng hóa

Stt	Tên hàng hóa	Đvt	Số lượng (tạm tính)	Ghi chú
1	Lắp đặt giàn không gian	Kg	588.000	
2	Lợp mái tôn	M2	17.160	
3	Lợp tấm lấy sáng	M2	1.000	

2. Phạm vi công việc:

- Lắp đặt bulong neo, bản mã chờ, các cấu kiện khung giàn không gian, xà gồ, bọ đỡ và lợp mái
- Trong quá trình lắp đặt bị trầy xước lớp mạ kẽm, lớp sơn nhà thầu tự xịt kẽm, sơn dặm hoàn thiện bằng chi phí của nhà thầu (trong trường hợp bên A cung cấp sơn, bình kẽm, vật tư phụ khác ... sẽ trừ vào tiền của nhà thầu khi quyết toán)
- Thay mặt bên A giải quyết toàn bộ công việc với Chủ đầu tư, TVGS (Họp, mặt bằng, tiến độ, an toàn, chất lượng, nghiệm thu lắp dựng …)
- Cung cấp nhân lực, máy móc và thiết bị thi công lắp đặt, vận chuyển điều động nhân sự và thiết bị lắp đặt đến công trường, để hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt theo yêu cầu của Bên A, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và các thỏa thuận khác trong Hợp đồng và các yêu cầu khác của Chủ đầu tư, TVGS trong quá trình thi công tại công trường.
- Lập Biện pháp thi công, bảo hiểm con người và thiết bi để đảm bảo an toàn cho thiết bị của nhà máy hoạt động bình thường trong suốt quá trình triển khai lắp đặt giàn mái không gian.
- Tự cung cấp bảo hộ lao động, đào tạo ATLĐ, phòng CCC, các hồ sơ theo quy định trong An toàn thi công tại công trường. Chịu toàn bộ trách nhiệm, làm việc với các cơ quan hữu quan liên quan đến các vấn đề trên.
- Phối hợp cùng Chủ đầu tư thu dọn mặt bằng, tổ chức thi công không làm ảnh hưởng đến công tác thi công của các đơn vị khác.

3. Tiến độ:

- Lắp đặt bu lông neo từ ngày 28/02/2021- 20/03/2021
- Lắp dựng giàn mái 60 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công.
- Lợp tôn mái và tấm lấy sáng 30 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

4. Thanh toán: Bên B tự đề xuất/ thỏa thuận theo hợp đồng.

5. Thời gian hiệu lực của chào giá

- Tối thiểu là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá.
- Thời gian nhận báo giá: Trước16h30 ngày 25 tháng 02 năm 2021

Quý công ty gửi báo giá trực tiếp đến Chúng tôi theo địa chỉ:

+ *Công ty Cổ Phần Cơ Khí Đông Anh Licogi*
+ *Địa chỉ: Km12+800 quốc lộ 3, Tổ 6, thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội*
+ *Điện thoại: 024 3883 3818- Fax: 024.38832718; Email: info@ckda.vn*
+ *Bên ngoài phong bì báo giá có niêm phong và ghi:* ***Báo giá lắp dựng GKG Xuân Thành***

Trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:
- *Như trên*
- *Lưu PBH*

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
Q. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Thanh Tuệ

DANH MỤC HỒ SƠ NĂNG LỰC NHÀ THẦU CẦN NỘP CÙNG

HỒ SƠ CHÀO GIÁ CẠNH TRANH LẮP DỰNG GKG KHO ĐÁ VÔI XI MĂNG XUÂN THÀNH

(Đính kèm thư mời chào giá số 01B-TM/CKĐA/2021 ngày 18/02/2021)

TT	Hồ sơ yêu cầu nộp	Số lượng	Ghi chú
I	**Hồ sơ doanh nghiệp**		
1	Giấy phép đăng ký kinh doanh có nêu rõ ngành nghề phù hợp với nội dung yêu cầu chào giá của CKĐA	01	Bản sao y công chứng
2	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	01	Bản sao y công chứng
3	Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán hoặc báo cáo thuế/ tờ khai thuế 2020	01	Bản sao y công chứng
II	**Hồ sơ cá nhân tham gia thực hiện gói thầu**		
1	Chứng chỉ chỉ huy trưởng công trình/ kỹ sư xây dựng dân dụng & công nghiệp	01	Bản sao y công chứng
2	Chứng chỉ An toàn lao động của cán bộ an toàn lao động	01	Bản sao y công chứng
III	**Thiết bị**		
1	Theo biện pháp thi công được phê duyệt		Cung cấp tài liệu sở hữu hoặc đi thuê (kèm theo đăng ký, đăng kiểm thiết bị đủ điều kiện thi công) – Sao y công chứng

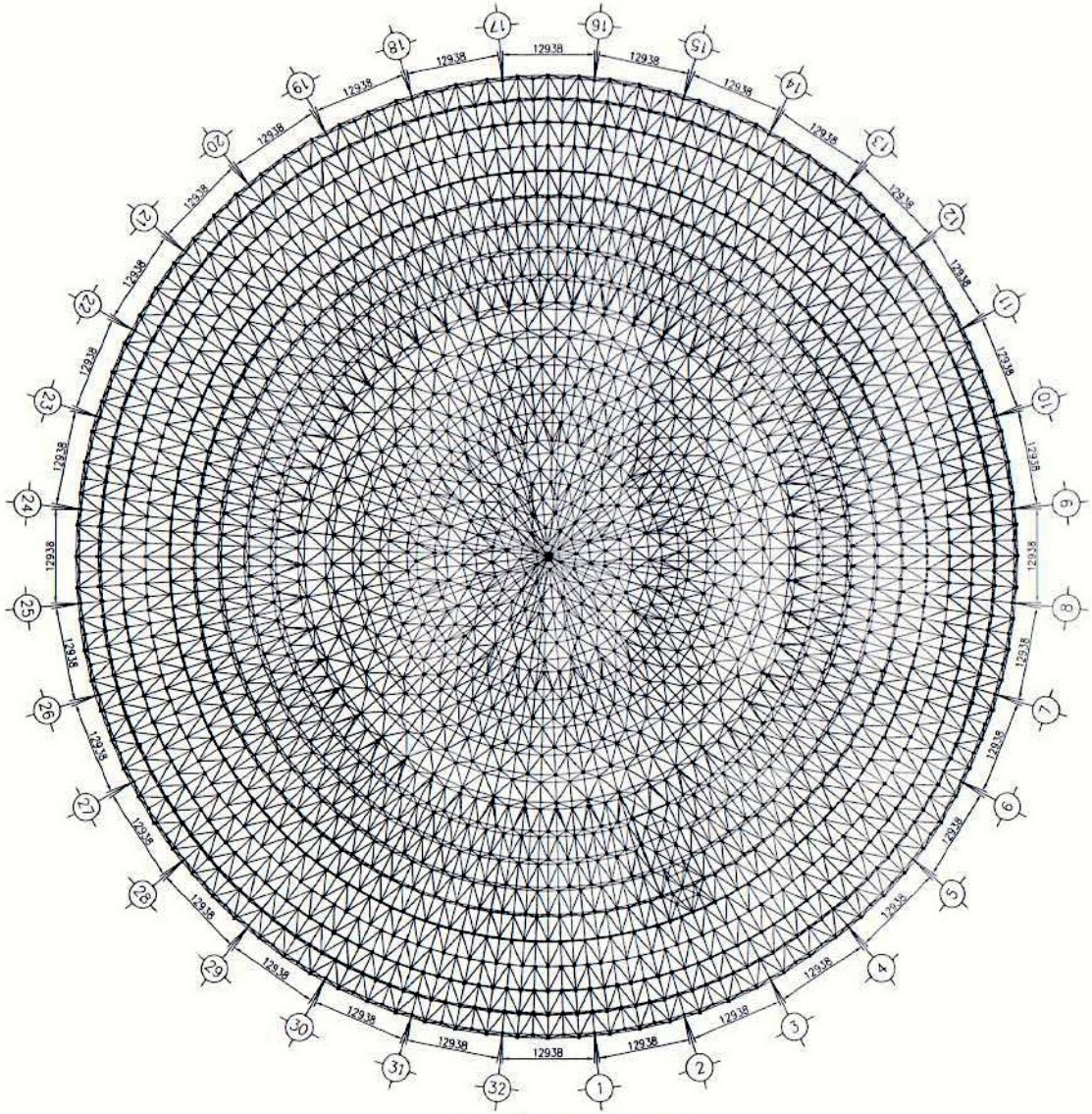

MẶT BẰNG GIÀN MÁI

E	-	-			
D	-	-			
C	-	-			
B	-	-			
A	-	-			
Lần	Ngày	Nội dung sửa đổi	Thiết kế	Kiểm	Duyệt

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DÂY CHUYỀN 3 NHÀ MÁY XI MĂNG XUÂN THÀNH, CÔNG SUẤT 4,5 TRIỆU TẤN XI MĂNG/NĂM

Xã Thanh Nghị - Huyện Thanh Liêm - Tỉnh Hà Nam

CKDA

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CONINCO-MI
CHẮC CHẮN CHO TƯƠNG LAI

Thanh Xuân - Hà Nội - Tel: 04.35564777 - Fax: 04.35564777

Thiết kế	Nguyễn Hữu Thanh Lam		
Chủ trì	Nguyễn Hữu Hợp		
Duyệt	Nguyễn Đình Hải		
Giai đoạn	NĐ/VTC	1/5	
Ngày	30.03.2020	Khổ	A1	Tỷ lệ	1:250

Tên bản vẽ

MẶT BẰNG GIÀN MÁI

Mã hiệu bản vẽ: 2073-133-KCG-02

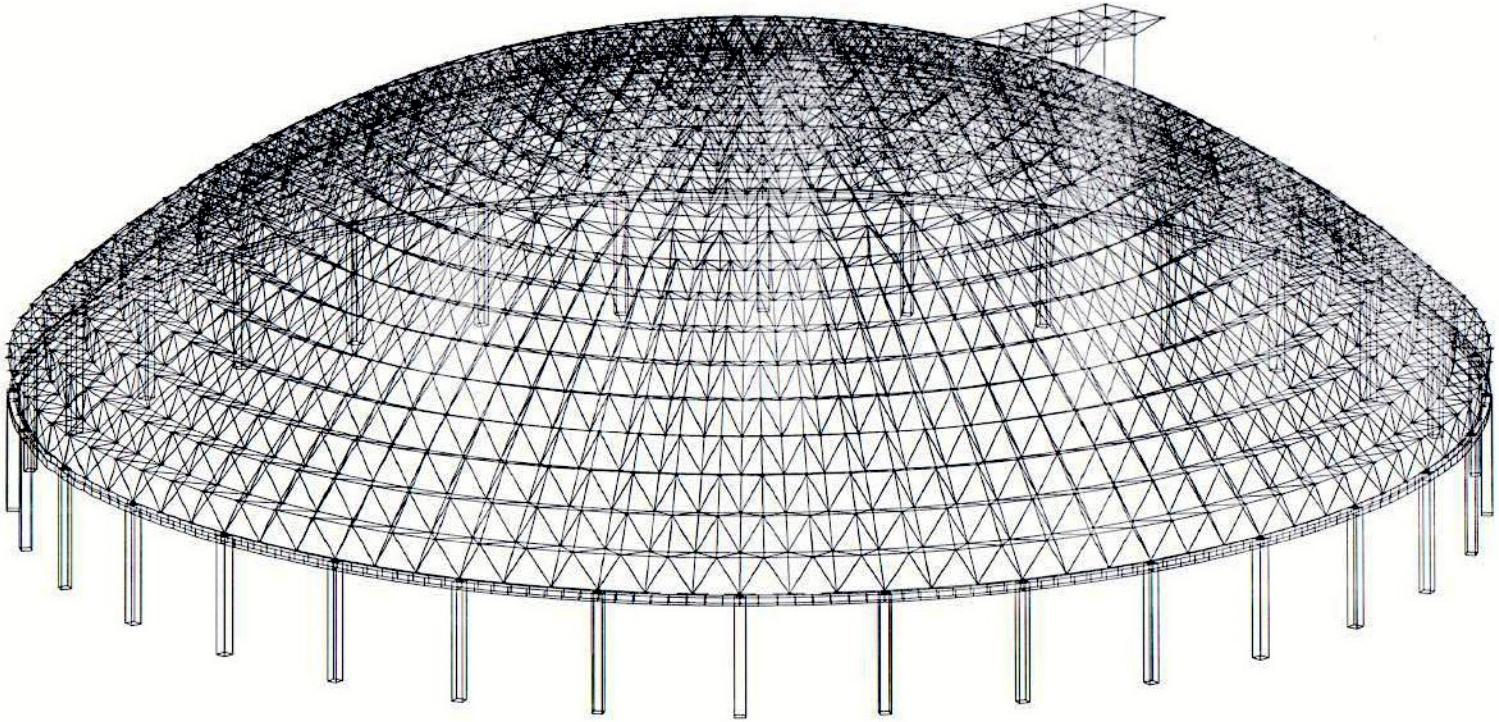

3D - TỔNG THỂ GIÀN MÁI

E	-	-			
D	-	-			
C	-	-			
B	-	-			
A	-	-			
Lần	Ngày	Nội dung sửa đổi	Thiết kế	Kiểm	Duyệt

DẦU TƯ XÂY DỰNG DÂY CHUYỀN 3 NHÀ MÁY XI MĂNG XUÂN THÀNH, CÔNG SUẤT 4,5 TRIỆU TẤN XI MĂNG/NĂM

Xã Thanh Hợp - Huyện Thanh Liêm - Tỉnh Hà Nam

CKDA

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

CONINCO-MI
CHẮC CHẮN CHO TƯƠNG LAI

Thiết kế	Nguyễn Vũ Thanh Lam		
Chủ trì	Trần Hữu Hiệp		
Duyệt	Nguyễn Hữu Sỹ		
Giai đoạn	NĐVTC	1/1	
Ngày	30.03.2020	Khổ A1	Tỷ lệ 1:250
Mã hiệu bản vẽ	XT-A-13-HC03-01		

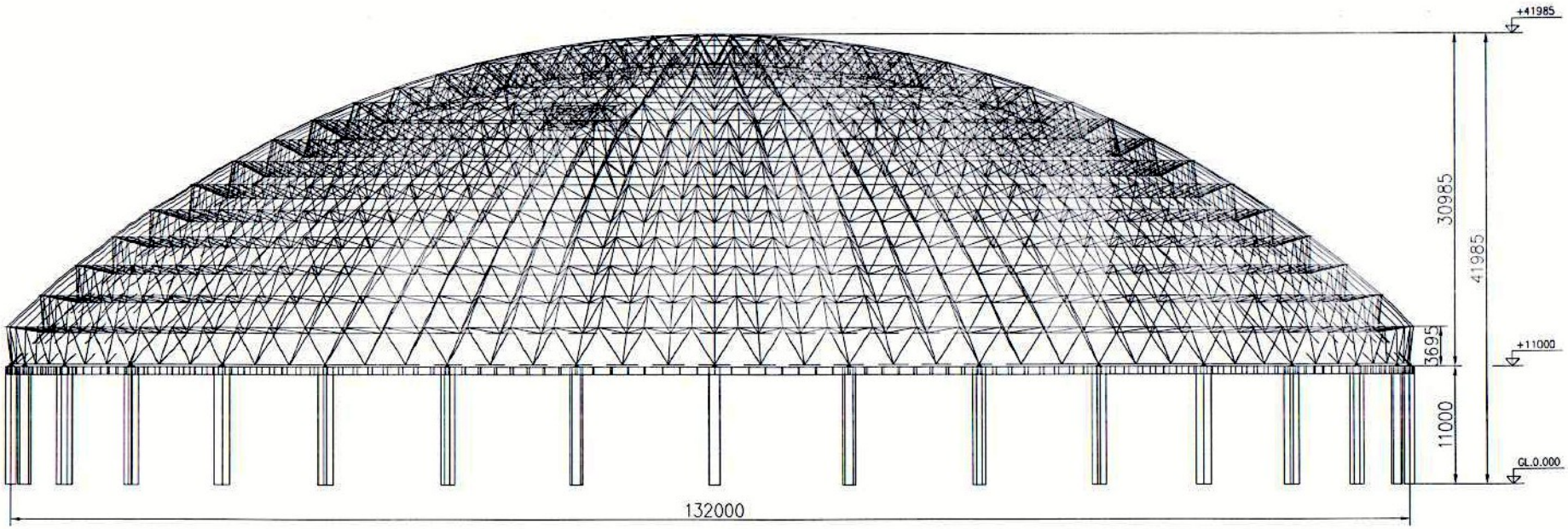

MẶT ĐỨNG GIÀN MÁI

E	-	-			
D	-	-			
C	-	-			
B	-	-			
A	-	-			
Lần	Ngày	Nội dung sửa đổi	Thiết kế	Kiểm	Duyệt

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DÂY CHUYỀN 3 NHÀ MÁY XI MĂNG XUÂN THÀNH, CÔNG SUẤT 4,5 TRIỆU TẤN XI MĂNG/NĂM

CKDA

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

CONINCO-MI
CHẮC CHẮN CHO TƯƠNG LAI

Thiết kế	Nguyễn Tiến Hoàng		
Chủ trì	Trần Minh Hiệp		
Duyệt	Nguyễn Hiền Hy		
Chủ đầu tư	TKBVTC	1/1	
Ngày	30.03.2020	Khổ A2	Tỷ lệ 1:250
Hồ sơ thiết kế số	XT-3-131-KCG-03		

CẮT A-A

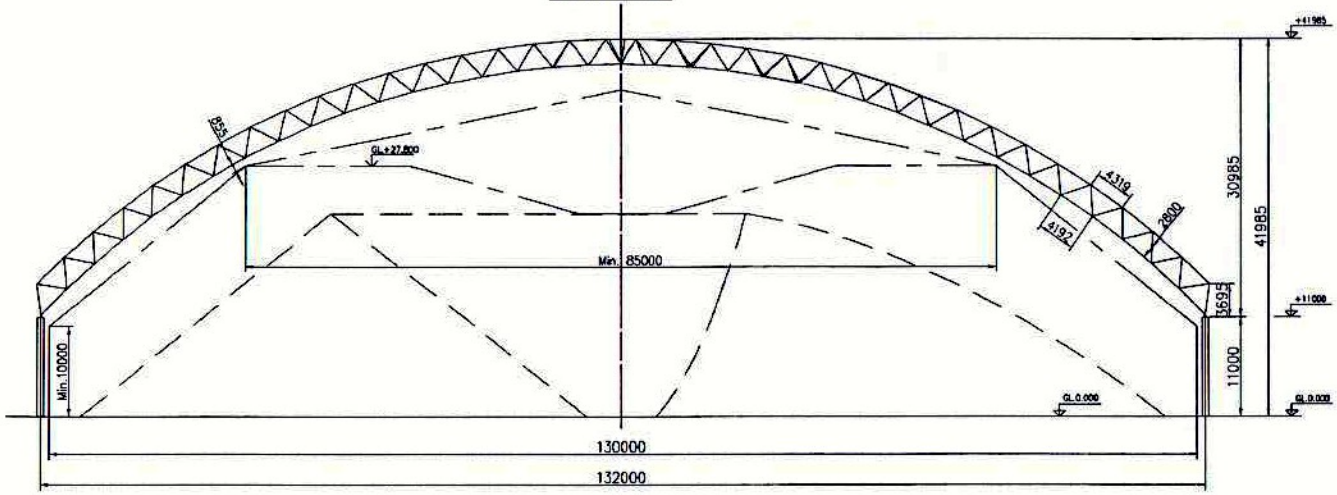

CẮT B-B

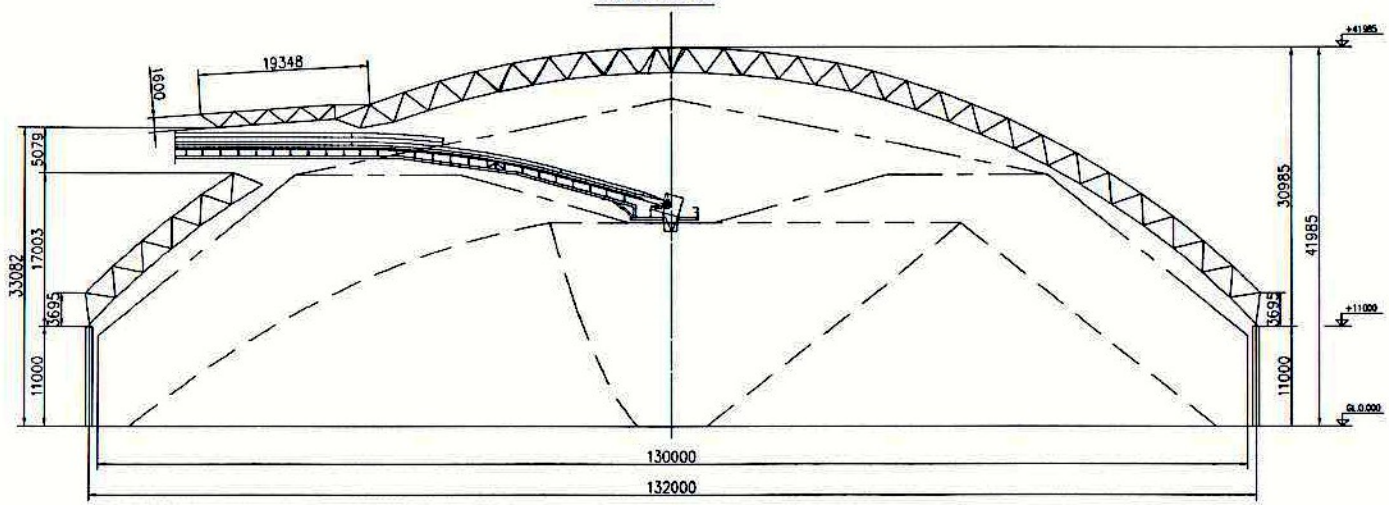

E	-	-			
D	-	-			
C	-	-			
B	-	-			
A	-	-			
Kí hiệu	Ngày	Nội dung thay đổi	Thiết kế	Kiểm tra	Duyệt

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DÂY CHUYỀN 3 NHÀ MÁY XI MĂNG XUÂN THÀNH, CÔNG SUẤT 4,5 TRIỆU TẤN XI MĂNG/NĂM

Xã Xuân Lộc - Huyện Thanh Liêm - Tỉnh Hà Nam

CKDA

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG ANH LICOGI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CONINCO-MI

CHỨNG CHỈ CHO THÀNH LẬP

Thiết kế	Nguyễn Tiến Thanh		
Chủ trì	Trần Minh Hằng		
Duyệt	Nguyễn Hồng Sơn		
Giai đoạn	Hoàn thiện	1/1	
Ngày	30.03.2018	Mã số	Tỷ lệ 1:250

NỘI DUNG THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH CHỈ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ PHẦN XÂY DỰNG

Mã hiệu bản vẽ: XT3-130-KCD-01

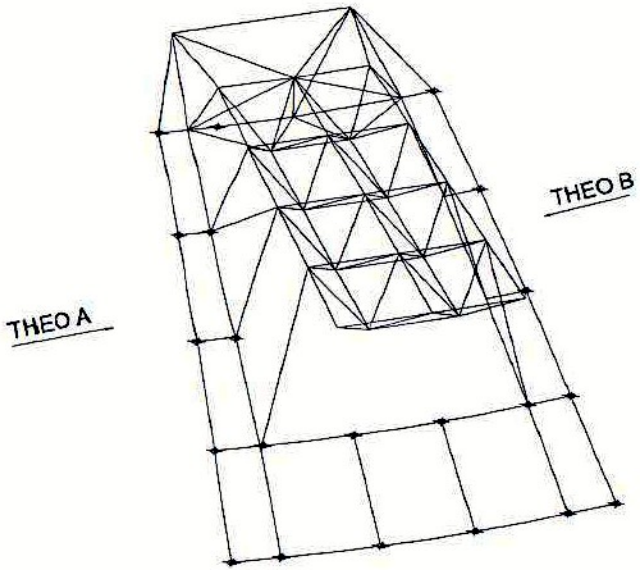

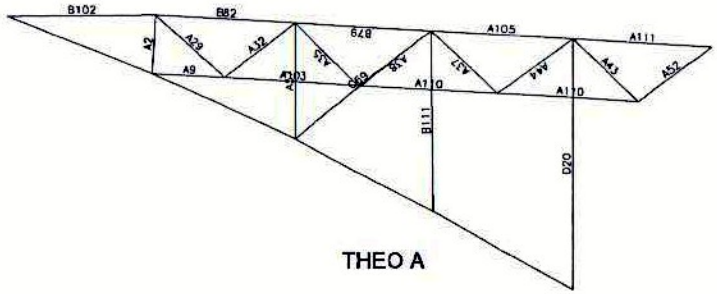

THEO A

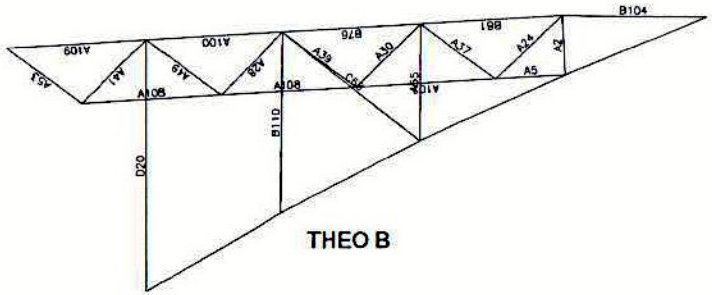

THEO B

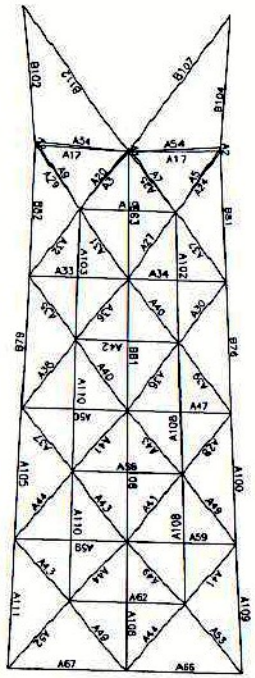

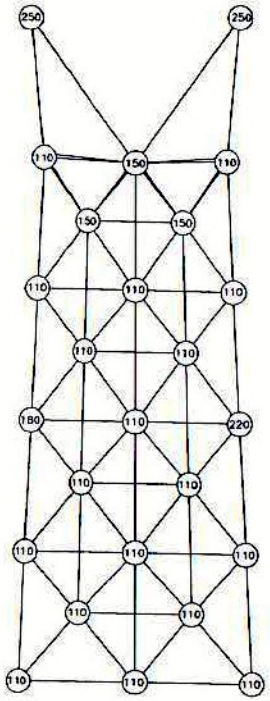

MẶT BẰNG THANH CẦU CỬA BĂNG TẢI

KÝ HIỆU	QUY CÁCH
A.....	D76X3.5
B.....	D89X4.5
C.....	D114X4.5
D.....	D140X6
E.....	D168X7
F.....	D219X10

KÝ HIỆU	QUY CÁCH
110	CẦU D110
150	CẦU D150
180	CẦU D180
220	CẦU D220
250	CẦU D250

E	–	–			
D	–	–			
C	–	–			
B	–	–			
A	–	–			
Lần	Ngày	Nội dung sửa đổi	Thiết kế	Kiểm	Duyệt

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DÂY CHUYỀN 3 NHÀ MÁY XI MĂNG XUÂN THÀNH, CÔNG SUẤT 4,5 TRIỆU TẤN XI MĂNG/NĂM

CKDA

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

CONINCO-MI CHẮC CHẮN CHO TƯƠNG LAI

Thiết kế	Nguyễn Tự Thanh Liêm		
Chủ trì	Trần Minh Tiến		
Duyệt	Nguyễn Hồng Sơn		
Giám đốc	Trần VTC	Tỷ lệ	1:250
Ngày	30.03.2026	Bản vẽ	
Mã hiệu bản vẽ	XT-S-121-FCB-11		

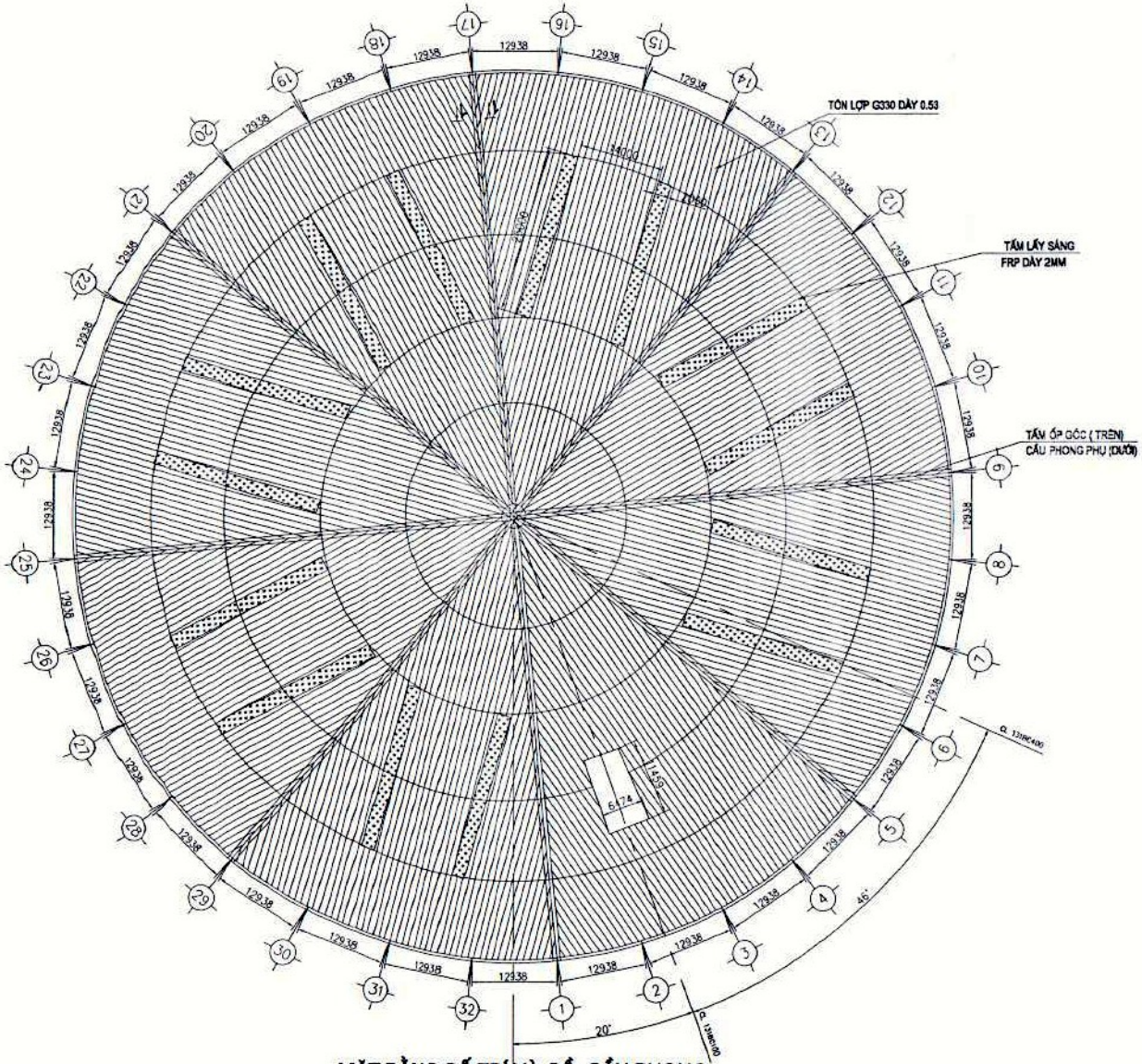

MẶT BẰNG BỐ TRÍ XÀ GỒ, CẦU PHONG

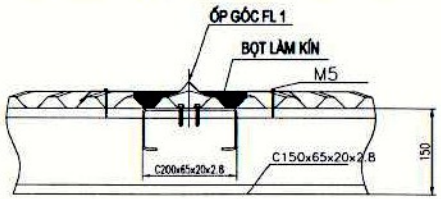

CẮT 1-1

TÔN LỢP CỬA MÁI

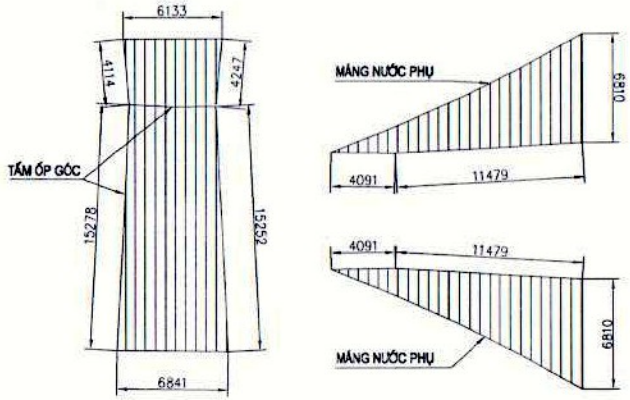

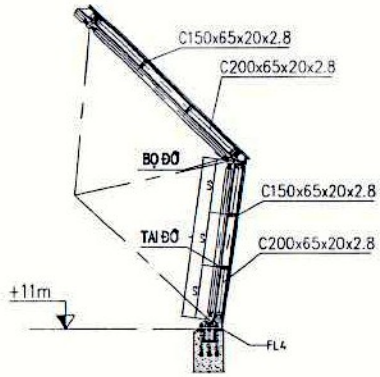

PROFILE TÔN LỢP MÁI

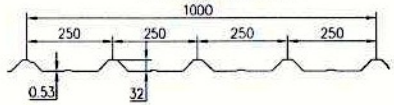

E	-	-			
D	-	-			
C	-	-			
B	-	-			
A	-	-			
Ký hiệu	Ngày	Nội dung sửa đổi	Người vẽ	Kiểm	Duyệt

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DÂY CHUYỀN 3 NHÀ MÁY XI MĂNG XUÂN THÀNH, CÔNG SUẤT 4,5 TRIỆU TẤN XI MĂNG/NĂM

CKDA

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

CONINCO-MI CHẮC CHẮN CHO TƯƠNG LAI

Thiết kế	Nguyễn Hữu Thắng		
Chủ trì	Nguyễn Hữu Thắng		
Duyệt	Nguyễn Hữu Tự		
Chủ đầu tư	THÀNH ĐẠT VTC	1/1	
Ngày	30.03.2026	Tỷ lệ A1	1:250
Bản vẽ số	XT3-154-KC0-14		

TT	TEN	LOAI_ONG	AO	LT	LO	SO_LG	K.LG(KG)
1	C1	114.0x4.5	1802.5	1457.5	1359.5	4	66.08
2	C2	114.0x4.5	1802.5	1472.5	1374.5	2	33.41
3	C3	114.0x4.5	2994.7	2736.7	2638.7	45	1442.96
4	C4	114.0x4.5	3098.1	2768.1	2670.1	12	389.36
5	C5	114.0x4.5	3027.6	2769.6	2671.6	1	32.46
6	C6	114.0x4.5	3292.7	2947.7	2849.7	4	138.52
7	C7	114.0x4.5	3238.8	2980.8	2882.8	96	3363
8	C8	114.0x4.5	3449.7	3191.7	3093.7	29	1090.24
9	C9	114.0x4.5	3558.2	3213.2	3115.2	8	302.85
10	C10	114.0x4.5	3476.1	3218.1	3120.1	96	3639.82
11	C11	114.0x4.5	3593.1	3306.1	3208.1	2	77.97
12	C12	114.0x4.5	3596.3	3323.3	3225.3	2	78.39
13	C13	114.0x4.5	3737.5	3407.5	3309.5	24	965.2
14	C14	114.0x4.5	3706.1	3448.1	3350.1	96	3908.17
15	C15	114.0x4.5	3708	3450	3352	31	1262.74
16	C16	114.0x4.5	3749.8	3491.8	3393.8	1	41.24
17	C17	114.0x4.5	3781.7	3493.7	3395.7	2	82.53
18	C18	114.0x4.5	3781.7	3508.7	3410.7	6	248.68
19	C19	114.0x4.5	3859	3601	3503	2	85.14
20	C20	114.0x4.5	4001	3641	3543	4	172.22
21	C21	114.0x4.5	3908.4	3650.4	3552.4	1	43.17
22	C22	114.0x4.5	3920	3662	3564	82	3551.37
23	C23	114.0x4.5	3928.4	3670.4	3572.4	46	1996.92
24	C24	114.0x4.5	3984.5	3690.5	3592.5	14	611.19
25	C25	114.0x4.5	4008.6	3699.6	3601.6	52	2275.84
26	C26	114.0x4.5	3958.6	3700.6	3602.6	34	1488.49
27	C27	114.0x4.5	3965.1	3707.1	3609.1	19	833.29
28	C28	114.0x4.5	3965.1	3729.1	3631.1	117	5162.56
29	C29	114.0x4.5	4025.6	3731.6	3633.6	4	176.62
30	C30	114.0x4.5	4009.4	3736.4	3638.4	4	176.86
31	C31	114.0x4.5	3965.1	3751.1	3653.1	223	9899.37
32	C32	114.0x4.5	4035.7	3762.7	3664.7	8	356.26
33	C33	114.0x4.5	4008.6	3772.6	3674.6	4	178.61
34	C34	114.0x4.5	4035.7	3777.7	3679.7	12	536.58
35	C35	114.0x4.5	4077.8	3783.8	3685.8	27	1209.32
36	C36	114.0x4.5	4060.2	3787.2	3689.2	63	2824.35
37	C37	114.0x4.5	4008.6	3794.6	3696.6	2	89.81
38	C38	114.0x4.5	4035.7	3799.7	3701.7	8	359.86
39	C39	114.0x4.5	4060.2	3802.2	3704.2	300	13503.95
40	C40	114.0x4.5	4124.9	3815.9	3717.9	2	90.36
41	C41	114.0x4.5	4077.2	3819.2	3721.2	96	4341.15
42	C42	114.0x4.5	4035.7	3821.7	3723.7	4	181
43	C43	114.0x4.5	4124.9	3830.9	3732.9	22	997.97
44	C44	114.0x4.5	4094.6	3836.6	3738.6	48	2180.7
45	C45	114.0x4.5	4110.6	3837.6	3739.6	18	817.99
46	C46	114.0x4.5	4077.2	3841.2	3743.2	48	2183.41
47	C47	114.0x4.5	4123.8	3850.8	3752.8	40	1824.13
48	C48	114.0x4.5	4110.6	3852.6	3754.6	128	5840.14
49	C49	114.0x4.5	4123.7	3865.7	3767.7	56	2563.99
50	C50	114.0x4.5	4142.5	3884.5	3786.5	40	1840.52
51	C51	114.0x4.5	4273.3	3928.3	3830.3	4	186.18
52	C52	114.0x4.5	4193.5	3935.5	3837.5	108	5036.41
53	C53	114.0x4.5	4273.3	3943.3	3845.3	8	373.83
54	C54	114.0x4.5	4193.5	3957.5	3859.5	132	6190.9
55	C55	114.0x4.5	4193.5	3979.5	3881.5	271	12782.55
56	C56	114.0x4.5	4331.8	4037.8	3939.8	48	2298.04
57	C57	114.0x4.5	4318.9	4045.9	3947.9	6	287.85
58	C58	114.0x4.5	4318.6	4060.6	3962.6	255	12278.99
59	C59	114.0x4.5	4379.7	4070.7	3972.7	2	96.55
60	C60	114.0x4.5	4318.6	4082.6	3984.6	96	4648.34
61	C61	114.0x4.5	4379.7	4085.7	3987.7	22	1066.08
62	C62	114.0x4.5	4347.9	4089.9	3991.9	96	4656.92
63	C63	114.0x4.5	4459.7	4099.7	4001.7	5	243.14
64	C64	114.0x4.5	4318.6	4104.6	4006.6	31	1509.34
65	C65	114.0x4.5	4459.7	4114.7	4016.7	94	4588.19
66	C66	114.0x4.5	4459.7	4129.7	4031.7	45	2204.68
67	C67	114.0x4.5	4977.2	4704.2	4606.2	1	55.97
68	C68	114.0x4.5	5001.3	4728.3	4630.3	1	56.27
						3214	144117.02

TT	TEN	LOAI_ONG	AO	LT	LO	SO_LG	K.LG(KG)
1	D1	140.0x6.0	3292.7	2934.7	2804.7	2	111.22
2	D2	140.0x6.0	3852.5	3494.5	3364.5	4	266.85
3	D3	140.0x6.0	3852.5	3509.5	3379.5	4	268.03
4	D4	140.0x6.0	4001	3658	3528	2	139.9
5	D5	140.0x6.0	3928.4	3674.4	3544.4	50	3513.87
6	D6	140.0x6.0	4008.6	3717.6	3587.6	2	142.27
7	D7	140.0x6.0	4077.8	3771.8	3641.8	2	144.42
8	D8	140.0x6.0	4060.2	3776.2	3646.2	4	289.19
9	D9	140.0x6.0	4035.7	3781.7	3651.7	4	289.62
10	D10	140.0x6.0	4077.8	3786.8	3656.8	19	1377.62
11	D11	140.0x6.0	4060.2	3791.2	3661.2	17	1234.09
12	D12	140.0x6.0	4110.6	3841.6	3711.6	46	3385.31
13	D13	140.0x6.0	4142.5	3873.5	3743.5	8	593.8
14	D14	140.0x6.0	4142.5	3888.5	3758.5	48	3577.07
15	D15	140.0x6.0	4193.5	3939.5	3809.5	65	4909.76
16	D16	140.0x6.0	4318.9	4049.9	3919.9	66	5129.75
17	D17	140.0x6.0	4318.6	4064.6	3934.6	404	31517.68
18	D18	140.0x6.0	6972.8	6718.8	6588.8	1	130.64
19	D19	140.0x6.0	7031.8	6777.8	6647.8	1	131.81
						749	57152.9

TT	TEN	LOAI_ONG	AO	LT	LO	SO_LG	K.LG(KG)
1	E1	168.0x7.0	4193.5	3899.5	3769.5	20	2095.37
2	E2	168.0x7.0	4193.5	3915.5	3785.5	12	1262.56
						32	3357.93

TT	TEN	LOAI_ONG	AO	LT	LO	SO_LG	K.LG(KG)
1	F1	219.0x10.0	4193.5	3875.5	3607.5	20	3718.83
2	F2	219.0x10.0	4193.5	3892.5	3624.5	12	2241.81
						32	5960.64

TT	Tên	Đơn vị	Số Lg	Kg/đ.vị	ΣKhối lg (kg)
I	CẦU		2444		30778.0
1	D110	quả	816	5.47	4464.1
2	D150	quả	1467	13.87	20350.4
3	D180	quả	64	23.97	1534.1
4	D220	quả	88	43.77	3851.4
5	D250	quả	9	64.22	578.0
II	THANH		9559		354443
1	Ống D76x3.5	Thanh	2784		58367
2	Ống D89x4.5	Thanh	2748		85487
3	Ống D114x4.5	Thanh	3214		144117
4	Ống D140x6	Thanh	749		57153
5	Ống D168.3x7	Thanh	32		3358
6	Ống D219x10	Thanh	32		5961
III	ĐẦU CÔN		19118		24358.8
1	D76x3.5-M16	cái	5568	0.53	2951.0
2	D89x4.5-M22	cái	5496	0.85	4671.6
3	D114x4.5-M27	cái	6428	1.66	10670.5
4	D140x6-M36	cái	1498	3.34	5003.3
5	D168x7-M42	cái	64	4.73	302.7
6	D219x10-M48	cái	64	11.87	759.6

TT	Tên	Đơn vị	Số Lg	Kg/đ.vị	ΣKhối lg (kg)
IV	ỐNG LỒNG		19118		8709.4
1	S30-36-M16	cái	5568	0.16	880.4
2	S36-46-M22	cái	5496	0.26	1421.4
3	S50-60-M27	cái	6428	0.74	4726.6
4	S60-60-M36	cái	1498	0.97	1453.2
5	S70-75-M42	cái	64	1.66	106.5
6	S75-80-M48	cái	64	1.90	121.3
V	BULÔNG-CB 10.9		19118		10172.7
1	M16-10.9	cái	5568	0.15	852.3
2	M22-10.9	cái	5496	0.37	2018.5
3	M27-10.9	cái	6428	0.71	4556.3
4	M36-10.9	cái	1498	1.59	2381.8
5	M42-10.9	cái	64	2.41	154.1
6	M48-10.9	cái	64	3.28	209.7
VI	GỐI ĐỠ		32		6037.8
	Bu lông neo M36xL=975+5 đai ốc+4 đệm phẳng + 1 đệm vuông	Bộ	256	12.46	3189.8
1	Gối đỡ GT1	Cái	32	89.00	2848.0
VII	LỢP MÁI				155473.6
1	Bọ đỡ loại 1	Cái	84	6.41	538.4
2	Bọ đỡ loại 2	Cái	1391	5.47	7608.8
3	Tai đỡ	Cái	2590	2.77	7174.3
4	Cầu phong C200x65x20x2.8	m	5911	7.87	46519.6
5	Xà gỗ C150x65x20x2.8	m	13444	6.8	91419.2
6	Bu lông M16x25 (bọ L)	Cái	1475	0.10	147.5
7	Bu lông M12x30+ecu	Cái	29512	0.07	2065.8
8	Tấm lấy sáng dày 2	m^2	1000		
9	Tôn lợp dày 0.53mm	m^2	17160		

Tổng khối lượng	589,973	kg

E	-	-			
D	-	-			
C	-	-			
B	-	-			
A	-	-			
Lần	Ngày	Nội dung sửa đổi	Người sửa	Kiểm	Duyệt

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DÂY CHUYỀN 3 NHÀ MÁY XI MĂNG XUÂN THÀNH, CÔNG SUẤT 4,5 TRIỆU TẤN XI MĂNG/NĂM

Xã Thanh Ngọc - Huyện Thanh Liêm - Tỉnh Hà Nam

CKDA

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG ANH LICOGI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CONINCO-MI — CHẮC CHẮN CHO TƯƠNG LAI

Tổng CTY Hóa chất và Vật liệu xây dựng — Số 11 Phan Đình Phùng, Q. Ba Đình, Hà Nội — Tel: 04.38.456.789 — Fax: 04.38.456.777

THÔNG KÊ VỐN

KẾT CẤU THÉP

CÔNG TRÌNH CÔNG NGHỆ NHÀ MÁY XI MĂNG

Thiết kế	Nguyễn Tiến Thanh		
Chủ trì	Trần Văn Hiệp		
Duyệt	Nguyễn Hồng Sơn		
Giai đoạn	TKBVTC	1/1	
Ngày	30.03.2020	Khổ A1	Tỷ lệ 1:250
Số hiệu bản vẽ	KT-3-123-MCCK-01		